**TOÀ ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN MINH HOÁ**
TỈNH QUẢNG BÌNH

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2019/HNGĐ- ST
Ngày: 24/10/2019
"V/v ly hôn"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MINH HOÁ, TỈNH QUẢNG BÌNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trương Quốc Hoàn

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông: Trương Ngọc Nhân

Ông: Đinh Minh Tặng

***- Thư ký phiên toà:*** Bà Vũ Thị Hà – Thư ký Toà án nhân dân huyện Minh Hoá, tỉnh Quảng Bình.

Ngày 24 tháng 10 năm 2019 tại Toà án nhân dân huyện Minh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 55/2019/TLST - HNGĐ ngày 16/8/2019 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 675/2018/QĐXX- ST ngày 19/9/2018 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Anh C S H

Trú tại: Thôn 3 K B, xã M H, huyện M H, tỉnh Q B. Có mặt.

*2. Bị đơn:* Chị S T T

Trú tại: Thôn 3 K B, xã M H, huyện M H, tỉnh Q B. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ngày 12/8/2019 và bản tự khai ngày 17/9/2019 của nguyên đơn C S H trình bày giữa anh và chị S T T đã đăng ký kết hôn năm 2007 tại

Ủy ban nhân dân xã C T, huyện Q C, tỉnh N A trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc và đã sinh được 01 người con. Sau đó hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau gây mất đoàn kết gia đình, nên chị T bỏ nhà sống ly thân với anh H, hiện nay tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy anh H làm đơn yêu cầu Toà án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T.

Con chung của vợ chồng: Hai vợ chồng có 01 người con chung là cháu S D M sinh ngày 26/10/2007. Hiện tại cháu M đang ở với bà ngoại vì vậy sau khi ly hôn nguyện vọng của anh H xin được trực tiếp nuôi con và yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con 500.000đ/1 tháng.

Tài sản chung và khoản vay chung: Không có.

Sau khi thụ lý vụ án Toà án nhân dân huyện Minh Hoá đã triệu tập chị T nhiều lần nhưng chị T không đến Toà án để giải quyết vụ án. Toà án đã đến tại cơ sở và xác minh thì biết được chị T đã đi làm ăn ở xa, không có mặt tại địa phương. Anh H đã làm thủ tục nhắn tin trên các phương tiện thông tin đại chúng để chị T biết về Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa giải quyết việc ly hôn với anh nhưng chị T không về. Tòa án đã niêm yết tất cả các giấy triệu tập, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Thông báo mở lại phiên tòa nhưng chị T vẫn không đến Tòa án để giải quyết vụ án theo yêu cầu của anh H. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Ngày 03/10/2019, Toà án nhân dân huyện Minh Hoá đã mở phiên tòa xét xử sơ thẩm ly hôn đối với anh H và chị T. Mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng chị T vẫn vắng mặt nên Toà án đã hoãn phiên toà vì vắng mặt bị đơn. Tại phiên tòa hôm nay chị T vẫn vắng mặt không có lý do.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Anh C S H và chị S T T đã đăng ký kết hôn năm 2007 tại Ủy ban nhân dân xã C T, huyện Q C, tỉnh N A trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không có ai ép buộc nên coi đây là cuộc hôn nhân hợp pháp nhưng do thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống mà hai bên không khắc phục được dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Chị T bỏ nhà đi làm ăn xa. Xét thấy nguyện vọng của anh H xin được ly hôn là chính đáng cần chấp nhận, áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho anh C S H được ly hôn với chị S T T.

[2] Về con chung: Hiện nay cháu M đang ở với bà ngoại trong khi đó chị T đi làm ăn xã không có điều kiện chăm sóc con chung. Mặt khác anh H có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi con nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình xử giao anh C S H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con

chung là cháu S D M sinh ngày 26/10/2007. Xử buộc chị S T T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) cho đến khi cháu S D M tròn 18 tuổi.

[3] Tài sản chung và khoản vay chung: Không có  nên không xem xét.

[4] Án phí: Anh C S H phải chịu 300.000 đồng ( Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh H đã nộp là 300.000 đồng ( Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0004183 ngày 16/8/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Minh Hóa. Chị S T T phải chịu 300.000 đồng ( Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 147 và Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng  Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh C S H được ly hôn với chị S T T.

2. Về con chung: Xử giao anh C S H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu S D M sinh ngày 26/10/2007. Xử buộc chị S T T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) cho đến khi cháu S D M tròn 18 tuổi.

Việc cấp dưỡng được thực hiện kể từ tháng 11/2019. Không ai được ngăn cản việc đi lại chăm sóc con chung, khi cần thiết vì quyền lợi của con một trong hai bên có quyền làm đơn yêu cầu Toà án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí: Anh C S H phải chịu 300.000 đồng ( Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh H đã nộp là 300.000 đồng ( Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0004183 ngày 16/8/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Minh Hóa. Chị S T T phải chịu 300.000 đồng ( Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ

4. Về quyền yêu cầu Thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trường hợp bên phải thi hành án do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán quy định tại Khoản 2 Điều 357 bộ luật Dân sự mà không có thỏa thuận lãi suất thì thực theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự được xác định mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất quá hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự để trả cho bên được thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm ( 24/10/2019), bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại UBND xã nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Minh Hoá;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS huyện Minh Hoá;
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- UBND xã C T;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

( đã ký )

**Trương Quốc Hoàn**